

ĐỀ 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1. **NB.** Tập hợp các chữ số 2022 là:

- A. $\{2;0;2;2\}$ B. $\{2;0;2\}$ C. $\{2;0\}$ D. $\{2\}$

Câu 2. **NB.** Số nào trong các số sau chia hết cho 9 nhưng không chia hết cho 5 :

- A. 23454 B. 34515 C. 2339 D. 93240

Câu 3. **NB.** Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng đối với biểu thức không có dấu ngoặc?

- A. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa
 B. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ
 C. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ
 D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 4. **NB.** Cho tập hợp $P = \{x \in \mathbb{Z} / -5 \leq x < 4\}$ được viết dưới dạng liệt kê các phần tử là:

- A. $P = \{-5; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$ B. $P = \{-5; -4; -3; -1; 0; 1; 2; 3\}$
 B. $P = \{-4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 4\}$ D. $P = \{-5; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2\}$

Câu 5. **TH.** Vào một ngày tháng Một ở Moscow (Liên Bang Nga), ban ngày nhiệt độ là -7°C Vào ban đêm, nhiệt độ giảm xuống 2°C . Vậy nhiệt độ ban đêm là:

- A. -7°C B. 9°C C. -5°C D. -9°C

Câu 6. **TH.** Sắp xếp các số nguyên $-5; 8; 0; -3$ theo thứ tự tăng dần là:

- A. $-5; 0; 8; -3$ B. $-5; -3; 0; 8$ C. $0; -3; -5; 8$ D. $-5; -3; 8; 0$

Câu 7. **NB.** Gọi P là tập hợp các số nguyên tố nhỏ hơn 10 . Cách viết nào sau đây là đúng

- A. $P = \{0; 1; 2; 3; 5\}$ B. $P = \{2; 3; 5; 7\}$
 C. $P = \{1; 2; 3; 5; 7\}$ D. $P = \{1; 2; 3; 5; 7; 9\}$

Câu 8. **NB.** Chọn đáp án sai.

Cho $a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$, nếu có số nguyên q sao cho $a = bq$ thì:

- A. a là ước của b . B. b là ước của a .
 C. a là bội của b . D. q là ước của a .

Câu 9. **NB.** Chọn câu trả lời đúng: Trong hình lục giác đều:

- A. Các góc bằng nhau và bằng 90° B. Đường chéo chính bằng đường chéo phụ
 C. Các góc bằng nhau và bằng 60° D. Các đường chéo chính bằng nhau.

Câu 10. **NB.** Chọn câu trả lời đúng: Trong hình chữ nhật:

- A. Bốn góc bằng nhau và bằng 90° B. Hai đường chéo không bằng nhau
 C. Bốn góc bằng nhau và bằng 60° D. Hai đường chéo song song với nhau

Câu 11. **NB.** Trong các hình sau đây, hình nào không có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 1 B. Hình 2
 C. Hình 1, hình 2. D. Hình 3

Câu 12. NB. Trong các biển báo giao thông sau đây, biển nào **không** có trục đối xứng?

- A) Biển nguy hiểm: đường hẹp hai bên (Hình.1)
 B) Biển nguy hiểm: đường giao thông với đường sắt có rào chắn (Hình.2)
 C) Biển nguy hiểm: đường ưu tiên gặp đường không ưu tiên bên phải (Hình.3)
 D) Biển nguy hiểm khác (Hình.4)



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Câu 1. (2,5 điểm)

- a. **NB.** Tìm số đối của các số nguyên sau: $+25; -16; -(-2022); 0$
 b. **TH.** Cho nhiệt độ của các hành tinh trong hình vẽ sau:



Sao Hải Vương
-218°C

Sao Thiên Vương
-224°C

Sao Thổ
-178°C

Sao Thủy
-184°C

Sắp xếp nhiệt độ của các hành tinh theo thứ tự tăng dần?

- c. **TH.** Biểu diễn các số nguyên sau $-3; -2; 0; 2; 4$ trên trục số?
 d. **NB.** Trong các hình: Hình chữ nhật, hình thang cân, hình bình hành, hình tam giác đều, hãy cho biết hình nào có tâm đối xứng?

Câu 2. (1 điểm)

- a. **VD.** Thực hiện phép tính: $2^3 \cdot 17 + 2^3 \cdot 83 - 100$
 b. **VD.** Tìm số nguyên x biết: $10 + 2 \cdot x = 4^5 : 4^3$

Câu 3. VD. (1 điểm) Số học sinh lớp 6 của một trường trong khoảng từ 200 đến 300 học sinh, khi xếp thành hàng 10, 12 và 15 người đều vừa đủ. Tính số học sinh khối lớp 6.

Câu 4. (1,5 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi là 76 m, chiều dài 20 m.

- a) **TH.** Tính diện tích của khu vườn?
 b) **TH.** Ở giữa khu vườn người ta xây một bồn hoa hình thoi có độ dài hai đường chéo là 12 m và 8 m. Tính diện tích phần còn lại của khu vườn?

Câu 5. VDC. (1.0 điểm)

- a) **VDC.** (0.5 điểm) Một chung cư có 25 tầng và 2 tầng hầm (tầng trệt được đặt là tầng G, các tầng trên (lầu) được đánh số từ thấp đến cao là 1; 2; 3; ...; 24 (tầng cao nhất là 24), các tầng hầm được đánh số từ cao xuống thấp là B1; B2). Một thang máy đang ở tầng 12, sau đó đi lên 7 tầng, và xuống 21 tầng rồi lại lên 2 tầng. Hỏi cuối cùng thì thang máy dừng lại ở tầng nào?
 b) **VDC.** (0.5 điểm) Tìm số nguyên x sao cho: $3x + 4$ chia hết cho $x - 3$

ĐỀ 2

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan (3,0 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1. NB. Số đối của -4 là

- A. 4. B. -4. C. 8. D. -8.

Câu 2. NB. Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các hợp số ?

- A. $\{2; 3; 5\}$. B. $\{3; 5; 6\}$. C. $\{4; 5; 6\}$. D. $\{12; 4; 8\}$.

Câu 3. VD. Kết quả của phép tính $12.25 + 12.75$ bằng

- A. 112. B. 1200. C. 2400. D. 14400.

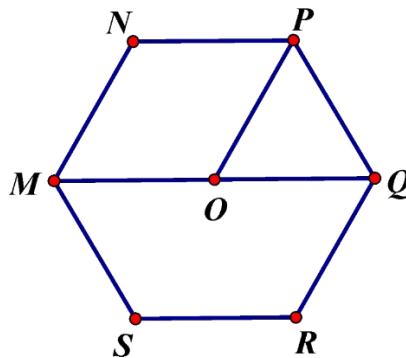
Câu 4. NB. Nếu $a : b$ ($a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$) thì

- A. a là bội của b B. . a là ước của b C. . a là ước của b D. -b là bội của - a.

Câu 5. TH. Cho a, b là hai số nguyên âm. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $a + b > 0$ B. $b > 0$ C. $(-a) \cdot (-b) < 0$ D. $a \cdot b > 0$

Câu 6. NB. Cho MNPQRS là hình lục giác đều. Khẳng định nào sau đây là đúng?



- A. NPOM là hình thang cân B. MNPQ là hình lục giác đều
C. OPQ là tam giác đều. D. MQRS là hình bình hành.

Câu 7. NB. Khẳng định nào sau đây là **Sai**?

- A. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.
B. Trong hình thoi các góc đối không bằng nhau.
C. Trong hình chữ nhật hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

Câu 8. NB. Hình **không** có tâm đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình tam giác C. Hình vuông D. Hình lục giác đều.

Câu 9. NB. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có trục đối xứng?

110a – Cấm xe đạp	102 – Cấm đi ngược chiều	112 – Cấm đi bộ	123 – Cấm rẽ trái
A. Biển 110a.	B. Biển 102.	C. Biển 112.	D. Biển 123.

Câu 10. NB. Trong các hình vẽ sau hình nào có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

A. a); b).

B. b); c).

C. a); c).

D. c); d).

Câu 11.VD. Kết quả đúng của phép tính $5^3 : 5 + 2 - 3^3 \cdot 3^0$ là

A. 0.

B. 5.

C. -22.

D. 3.

Câu 12.NB. Trong các hình sau hình nào có nhiều hơn 1 trục đối xứng?



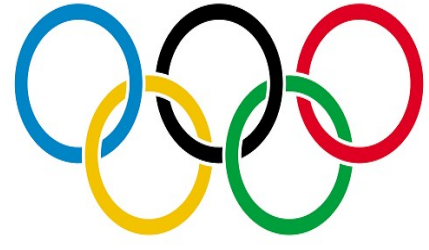
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

PHẦN 2. Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1:NB. (0,5 điểm) Viết tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 8 bằng hai cách?

Bài 2:TH. (1,5 điểm)

a) Biểu diễn các số nguyên sau trên một trục số: - 4; - 3; - 5; 0; 4; 3; 6.

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: - 4; 5; 7; - 7; 0; - 2; 14; - 9; 26.

Bài 3:TH. (1,5 điểm) Tính một cách hợp lí:

a) $(-38) \cdot 36 + 64 \cdot (-38)$

b) $2022 - (812 + 2022) + (812 - 1044)$

Bài 4:VD. (1,0 điểm) Nửa đầu năm một cửa hàng bán lẻ lỗ 13 triệu đồng, nửa cuối năm lại lãi được 42 triệu đồng. Hỏi trong năm đó cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu triệu đồng?

Bài 5:VD. (1,5 điểm) Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài là 12m và chiều rộng là 2m. Người ta lát gạch lên lối đi, chi phí cho mỗi mét vuông lát gạch là 100 000 đồng.

a) Tính diện tích lối đi hình chữ nhật.

b) Tính chi phí để lát gạch trên lối đi.

Bài 6:VDC. (1,0 điểm) Cho $A = 1 + 5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{2022}$, $B = \frac{5^{2023}}{8}$. Tính $2B - A$.